



Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

*Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm 2023, kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023*

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	13 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho 6 tháng đầu năm 2022 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là (1.915.098.980) VND; Lợi nhuận sau thuế cho 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là (2.231.821.857) VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là (8.618.796.724) VND; Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là (12.568.118.187) VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông:	Albert, Kwang-Chin Ting	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông:	Ho, Feng Tao	Thành viên
Ông:	Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Bà:	Huang, Wan-Hui	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Ông :	Lu, Hui-Hung	Tổng Giám đốc
Bà:	Kuo, Ping-Min	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Shiu, Jingshia	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông:	Liew, Sep-Siang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông:	Lii, San-Rong	Thành viên BKS
Ông:	Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2023, kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định khác có liên quan; và
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2023, kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Duyệt, ngày 14. tháng 08. năm 2023

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch


Albert, Kwang-Chin Ting

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14. tháng 08. năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc
Tổng Giám đốc



Lu, Hui-Hung

Số : 602.../BCSX/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2023,
kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng*

Kính gửi :

- Cổ đông Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã thực hiện công tác Soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2023, kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN KTV: 0064-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		25.505.833.089	27.616.234.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.732.176.331	906.119.361
1. Tiền	111		5.632.176.331	906.119.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.100.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	15.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.000.000.000	24.000.000.000
2. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		980.590.270	1.704.596.579
1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	239.364.245	194.993.566
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4.1	741.226.025	1.509.603.013
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		793.066.488	1.005.518.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 7.1	776.888.172	989.339.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.9.2	16.178.316	16.178.316
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.124.963.344	1.379.007.534
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		292.700.572	295.000.572
1. Phải thu khách hàng dài hạn	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4.2	292.700.572	295.000.572
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		172.950.723	194.128.365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	172.950.723	194.128.365
- Nguyên giá	222		211.776.400	211.776.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(38.825.677)	(17.648.035)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		397.464.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(397.464.302)	(397.464.302)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		659.312.049	889.878.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 7.2	659.312.049	889.878.597
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		26.630.796.433	28.995.241.549
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		198.914.620	331.537.879
I. Nợ ngắn hạn	310		198.914.620	331.537.879
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		18.070.455	15.881.910
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.1	137.644.165	131.673.969
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.8	43.200.000	183.982.000
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		26.431.881.813	28.663.703.670
I. Vốn chủ sở hữu	410		26.431.881.813	28.663.703.670
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.10	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.568.118.187)	(10.336.296.330)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		26.630.796.433	28.995.241.549

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005	V.11	61,24	61,24
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý	006		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác	030	V.12	278.949.251	61.900.390
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước	031		200.343.409	61.900.390
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	032		78.605.842	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác	040	V.13	102.148.163.389	114.212.860.200
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước	041		99.116.854.872	114.212.860.200
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	042		3.031.308.517	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác	050	V.14	2.616.865.753	2.887.567.891
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác	051	V.15	34.392.935	29.264.306

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thu Thủy

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2023



Tổng Giám Đốc



Lu, Hui-Hung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	V.16.1	3.577.951.326	3.650.291.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01- 02)	10		3.577.951.326	3.650.291.004
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		3.577.951.326	3.650.291.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.16.2	895.345.070	687.041.356
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.17	6.705.118.253	6.252.431.340
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		(2.231.821.857)	(1.915.098.980)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.231.821.857)	(1.915.098.980)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.231.821.857)	(1.915.098.980)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(572)	(491)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thu Thủy

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Lưu, Hui-Hung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.533.580.647	3.800.765.110
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(330.842.163)	(258.249.048)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.165.076.791)	(3.998.471.966)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		942.275.554	101.437.493
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.715.962.335)	(3.207.896.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.736.025.088)	(3.562.414.737)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(211.776.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(47.000.000.000)
4. Tiền thu từ việc bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.000.000.000	51.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.562.080.527	950.805.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.562.080.527	5.239.029.199
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50=20+30+40$)	50		7.826.055.439	1.676.614.462
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		906.119.361	754.365.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.531	1.506
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70=50+60+61$)	70		8.732.176.331	2.430.981.285

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thu Thủy

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Lu, Hui-Hung

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối kỳ	
		01/01/2022	01/01/2023	6 tháng đầu năm 2022		6 tháng đầu năm 2023		30/06/2022	30/06/2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39.000.000.000	39.000.000.000	-	-	-	-	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(6.703.697.744)	(10.336.296.330)	-	1.915.098.980	-	2.231.821.857	(8.618.796.724)	(12.568.118.187)
Cộng		32.296.302.256	28.663.703.670	-	1.915.098.980	-	2.231.821.857	30.381.203.276	26.431.881.813

Đơn vị tính: VND

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ trách kế toán

Lu, Hui-Hung

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc

PHÚ HƯNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo giấy phép ban đầu số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có.

5. Tổng số nhân viên: 22 người trong đó có 10 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|--------|
| - Phần mềm máy tính | 03 năm |
| - Máy móc thiết bị | 05 năm |

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Phương pháp lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (không bao gồm Sàn giao dịch Chứng khoán UpCom):

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :
 - + Giá trị sổ sách;
 - + Giá mua;
 - + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán UpCom:

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :
 - + Giá trị sổ sách;
 - + Giá mua;
 - + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch :

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán không phải là Công ty có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.
- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :
 - + Giá từ các báo giá;
 - + Giá của các kỳ báo cáo gần nhất;
 - + Giá trị sổ sách;
 - + Giá mua;
 - + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá từ các báo cáo; Giá của kỳ báo cáo gần nhất ; Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí di dời văn phòng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch (lớn hơn/ nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu - ghi nhận ban đầu và trình bày

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

c. Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

Nếu giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.

d. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng (*)	5.632.176.331	906.119.361
Tiền gửi ngân hàng VND	5.630.741.478	904.686.039
Tiền gửi ngân hàng BIDV	236.689.381	162.952.540
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank	5.359.068.045	699.932.150
Tiền gửi ngân hàng Nam Á	14.242.029	13.425.867
Tiền gửi ngân hàng VIB	20.742.023	28.375.482
Tiền gửi ngân hàng USD	1.434.853	1.433.322
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	1.434.853	1.433.322
Tương đương tiền (**)	3.100.000.000	-
Tổng cộng	8.732.176.331	906.119.361

Ghi chú:

(*) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

(**) Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng Nam Á

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	15.000.000.000	24.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm BIDV	-	1.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn của NH Nam Á (*)	15.000.000.000	23.000.000.000
Tổng cộng	15.000.000.000	24.000.000.000

Ghi chú:

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 93-HĐTG/2023/H.NGHI ngày 27/02/2023, số tiền 3.000.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 10,25%/năm, trả lãi cuối kỳ.

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 94, 95, 96, 97-HĐTG/2023/H.NGHI ngày 27/02/2023, số tiền 3.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 10,75%/năm, trả lãi cuối kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	218.381.508	170.122.847
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	20.982.737	24.870.719
Tổng cộng	239.364.245	194.993.566

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

4.1. Ngắn hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi tiền gửi	556.726.025	1.223.463.013
Đặt cọc thuê căn hộ Crescent Residence 2 (*)	92.000.000	92.000.000
Đặt cọc thuê căn hộ Crescent Residence 1 (**)	90.000.000	90.000.000
Đặt cọc thuê căn hộ Scenic Valley (Lô MD3)	-	101.640.000
Tiền tạm ứng cho nhân viên	2.500.000	2.500.000
Tổng cộng	741.226.025	1.509.603.013

4.2. Dài hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đặt cọc thuê văn phòng (***)	171.700.572	171.700.572
Đặt cọc tiền thuê xe (****)	108.000.000	108.000.000
Đặt cọc vỏ bình nước	500.000	500.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	2.500.000	4.800.000
Đặt cọc thẻ taxi VinaSun	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc Công ty TNHH Grab	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	292.700.572	295.000.572

Ghi chú:

(*) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 ngày 31/08/2022 thời hạn thuê 12 tháng, số tiền thuê 138.000.000đ/quý. Đặt cọc trước 92.000.000 đồng.

(**) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 1 ngày 25/02/2022 thời hạn 12 tháng. Phụ lục gia hạn ngày 07/01/2023 gia hạn từ ngày 25/02/2023 đến ngày 25/02/2024, số tiền thuê 135.000.000 đồng/quý. Đặt cọc trước 90.000.000 đồng.

(***) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 091120/PMH_PMHT_21F_U4 có hiệu lực từ ngày 09/11/2020, thời hạn 5 năm từ ngày 19/01/2021 đến ngày 18/01/2026. Đặt cọc trước 171.700.572 đồng.

(****) Hợp đồng thuê xe ô tô số 01/HĐTX/LHT/QL-QPH/2022 thời hạn thuê 48 tháng từ ngày 23/12/2022 đến ngày 23/12/2026, số tiền thuê 27.000.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 108.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm 2023

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	211.776.400	211.776.400
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	17.648.035	17.648.035
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	21.177.642	21.177.642
Bao gồm:					
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	-	-	21.177.642	21.177.642
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	38.825.677	38.825.677
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	194.128.365	194.128.365
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	172.950.723	172.950.723

Ghi chú:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm 2023

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	397.464.302	397.464.302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	397.464.302	397.464.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

Ghi chú:

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

7.1 Ngắn hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	49.208.502	102.470.042
- Chi phí học phí	135.834.930	259.982.228
- Chi phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	383.856.000	383.856.000
- Bảo hiểm sức khỏe	27.688.740	64.211.489
- Chi phí thuê căn hộ	180.300.000	178.820.000
Tổng cộng	776.888.172	989.339.759

7.2 Dài hạn

- Chi phí xây dựng, sửa chữa văn phòng	495.447.384	644.081.598
- Chi phí di dời thiết bị công nghệ thông tin	163.864.665	245.796.999
Tổng cộng	659.312.049	889.878.597

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí phải trả phí kiểm toán	43.200.000	88.000.000
- Chi phí phải trả phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	-	95.982.000
Tổng cộng	43.200.000	183.982.000

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

9.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Thuế Thu nhập cá nhân	137.644.165	426.503.240	420.533.044	131.673.969
Tổng cộng	137.644.165	426.503.240	420.533.044	131.673.969

9.2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.178.316	-	-	16.178.316
Tổng cộng	16.178.316	-	-	16.178.316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

10. VỐN CỔ PHẦN

	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông (*)</i>	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000

Ghi chú:

(*) *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Vốn góp tại ngày 30/06/2023</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ	2.145.000	21.450.000.000	55,00%
Ông Albert, Kwang-Chin Ting	877.500	8.775.000.000	22,50%
Ông Kwang, Hung-Ting	877.500	8.775.000.000	22,50%
Tổng cộng	3.900.000	39.000.000.000	100,00%

11. NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- USD	61,24	61,24
Tổng cộng	61,24	61,24

12. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	200.343.409	61.900.390
- Công ty Cổ phần Fei Yueh Việt Nam (1)	-	20.372.971
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới (2)	200.343.409	41.527.419
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	78.605.842	-
- Ông. Chiou, Young-Jang (3)	78.605.842	-
Tổng cộng	278.949.251	61.900.390

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiết khoản tiền gửi của từng nhà đầu tư ủy thác:

(1) Công ty Cổ phần Fei Yueh Việt Nam

	<i>6 tháng đầu năm 2023</i>	<i>Năm 2022</i>
Số đầu năm	20.372.971	-
Tăng trong kỳ	15.484.537.626	20.070.517.176
Nhận gốc và lãi trái phiếu	15.483.852.000	-
Nhận tiền ủy thác	-	20.070.000.000
Khác	685.626	517.176
Giảm trong kỳ	15.504.910.597	20.050.144.205
Mua trái phiếu	-	14.336.900.000
Trả trước hạn vốn ủy thác	-	5.678.100.000
Thanh lý hợp đồng ủy thác	15.491.219.372	-
Khác	13.691.225	35.144.205
Số cuối kỳ	-	20.372.971

**(2) Công ty TNHH Một Thành Viên
Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới**

	<i>6 tháng đầu năm 2023</i>	<i>Năm 2022</i>
Số đầu năm	41.527.419	-
Tăng trong kỳ	4.109.604.633	100.002.474.543
Nhận lãi trái phiếu	4.108.228.100	-
Nhận tiền ủy thác	-	100.000.000.000
Khác	1.376.533	2.474.543
Giảm trong kỳ	3.950.788.643	99.960.947.124
Rút lãi trái phiếu	3.800.000.000	-
Mua trái phiếu	-	64.870.360.200
Mua chứng chỉ quỹ	-	35.000.000.000
Khác	150.788.643	90.586.924
Số cuối kỳ	200.343.409	41.527.419

(3) Ông. Chiou, Young-Jang

	<i>6 tháng đầu năm 2023</i>	<i>Năm 2022</i>
Số đầu năm	-	-
Tăng trong kỳ	3.100.000.000	-
Nhận tiền ủy thác	3.100.000.000	-
Giảm trong kỳ	3.021.394.158	-
Mua trái phiếu	3.020.790.000	-
Khác	604.158	-
Số cuối kỳ	78.605.842	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm 2023, kết thúc
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

13. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Nhà đầu tư ủy thác trong nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ 904P000001 PHVSF (Chứng chỉ quỹ Công ty CP QLQ Phú Hưng)	99.116.854.872	114.212.860.200
Trái phiếu niêm yết VND122012 (Trái phiếu Công ty CP chứng khoán VNDirect)	36.645.175.000	35.005.600.000
Trái phiếu niêm yết VND122013 (Trái phiếu Công ty CP chứng khoán VNDirect)	-	14.336.900.000
Trái phiếu niêm yết MSN121013 (Trái phiếu Công ty CP Tập Đoàn Masan)	32.810.116.858	34.070.560.200
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	29.661.563.014	30.799.800.000
Trái phiếu niêm yết MSN121014 (Trái phiếu Công ty CP Tập Đoàn Masan)	3.031.308.517	-
Tổng cộng	3.031.308.517	-
	102.148.163.389	114.212.860.200

14. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Phải thu trái tức	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng cộng	2.616.865.753	2.887.567.891
	2.616.865.753	2.887.567.891

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Phải trả phí quản lý	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả phí quản lý phí lưu ký phải trả	20.982.737	24.870.719
Phải trả phí khác	4.122.527	4.393.587
Tổng cộng	9.287.671	-
	34.392.935	29.264.306

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

16. DOANH THU

16.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	247.996.606	247.224.730
- Doanh thu hoạt động tư vấn	2.436.000.000	3.390.000.000
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ mở-PHVSF (**)	761.053.522	-
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	132.901.198	13.066.274
Tổng cộng	3.577.951.326	3.650.291.004

Ghi chú:

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Triển Vượng Việt Nam (VPDF) và Quỹ Đầu Tư Phát Triển Hàng Thông (HTDF), các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí thưởng hoạt động từ VPDF và HTDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi tháng. Phí thưởng hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

(**) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam, quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý bằng 1,5% giá trị tài sản ròng mỗi năm. Số tiền dịch vụ nhận được hằng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

16.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
- Lãi tiền gửi	895.343.539	687.039.850
- Lãi trái phiếu doanh nghiệp	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.531	1.506
Tổng cộng	895.345.070	687.041.356

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
- Chi phí nhân viên quản lý	5.189.927.392	5.331.386.279
- Chi phí đồ dùng văn phòng	72.674.122	192.656.326
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.196.386.903	578.506.347
- Chi phí bằng tiền khác	243.129.836	146.882.388
Tổng cộng	6.705.118.253	6.252.431.340

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

18 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

Tổng cộng

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu

	<i>6 tháng đầu năm 2023</i>	<i>6 tháng đầu năm 2022</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.231.821.857)	(1.915.098.980)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	28.598.474	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	28.600.005	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.531	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	(2.203.223.383)	(1.915.098.980)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất thông thường (20%)	-	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.231.821.857)	(1.915.098.980)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong năm báo cáo	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong năm	-	-
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện	-	-

VII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : Không
3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Thu nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày 30/06/2023:

Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28.

4. Những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước:

Không có.

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	3.900.000	3.900.000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	-	-

7. Giao dịch với các bên liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	<i>6 tháng đầu năm 2023</i>	<i>6 tháng đầu năm 2022</i>
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.252.140.010	681.934.783

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

VIII. Những thông tin khác (tiếp theo)

8. Quản lý rủi ro của công ty

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

8.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính; v.v.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn. Đây là khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính sẽ suy giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

VIII. Những thông tin khác (tiếp theo)

8.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	18.070.455	-	-	18.070.455
Chi phí phải trả	43.200.000	-	-	43.200.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	15.881.910	-	-	15.881.910
Chi phí phải trả	183.982.000	-	-	183.982.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

VIII. Những thông tin khác (tiếp theo)

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.732.176.331	906.119.361	8.732.176.331	906.119.361
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	239.364.245	194.993.566	239.364.245	194.993.566
Trả trước cho người bán	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	741.226.025	1.509.603.013	741.226.025	1.509.603.013
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	18.070.455	15.881.910	18.070.455	15.881.910
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	-	-	-	-
Chi phí phải trả	43.200.000	183.982.000	43.200.000	183.982.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu hoạt động nghiệp vụ, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2022, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Báo cáo tài chính năm 2022, kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thu Thủy



Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Lu, Hui-Hung